

Số: 928 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 20 tháng 11 năm 2018

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày

(Từ ngày 15/11 – 21/11/2018)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 26,2 – 28,2°C; Cao nhất: 34,7°C; Thấp nhất: 20,5°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 72 – 82%; Thấp nhất: 55%.
- Tổng số giờ nắng: 62 – 67 giờ.

Thời tiết: Nửa đầu kỳ thời tiết nắng nóng không mưa; cuối kỳ ngày nhiều mây nắng yếu do ảnh hưởng của bão số 8 và áp thấp nhiệt đới, sáng sớm và đêm trời se lạnh.

Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa: Xưởng giống 21.808 ha/25.233 ha. Lúa đang ở các giai đoạn: đòng (8.012 ha), trổ (11.226), chín (2.570).

Các giống chủ yếu là: OM 7347, OM 4900, VD 20, MTL 110, Đài thơm 8, ...

Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Loa kèn, trổ cờ	15.385/17.709
Rau các loại	Các giai đoạn	4.705
Cây có múi	Các giai đoạn	8.320
Chôm chôm	Các giai đoạn	10.693
Xoài	Ra bông, trái	12.266
Chuối	Các giai đoạn	7.239
Sầu riêng	Ra lộc	4.167
Tiêu	Nuôi trái	19.022
Điều	Ra bông, trái	37.802
Cao su	Khai thác	51.272
Cà phê	Nuôi trái	15.278
Khoai mì	Phát triển củ	10.826

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. Trên cây lúa: Các SVH chủ yếu là bệnh đạo ôn lá DTN 648 ha giảm 32 ha, ốc bươu vàng (OBV) DTN 562 ha tăng 95 ha, bệnh bạc lá DTN 150 ha giảm 77 ha.

2. Cây trồng khác

- Cây bắp, rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.
- Cây ăn quả:
 - + Cây có múi: Sâu vẽ bùa DTN 280 ha tăng 74 ha, nhện nhỏ 192 ha tăng 28 ha.
 - + Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 468 ha giảm 1 ha, bệnh nấm hồng DTN 241 ha tăng 2 ha, bệnh cháy lá chết đọt DTN 334 tăng 75 ha.
 - + Xoài: Bệnh thán thư DTN 375 ha ha tăng 73 ha.
- Cây công nghiệp:
 - + Cây hồ tiêu: Bệnh thán thư DTN 1008 ha giảm 18 ha, bệnh chết chậm DTN 975 ha tăng 32 ha, bệnh tuyến trùng DTN 272 ha giảm 1 ha.
 - + Cây điều: Bệnh thán thư DTN 389 ha tăng 6 ha, bệnh nấm hồng DTN 198 ha tăng 49 ha, bọ xít muỗi DTN 291 ha tăng 161 ha.
 - + Cây mì: Bọ phấn DTN 559 ha không thay đổi so với kì trước; bệnh khảm lá virus DTN 118,35 ha giảm 201,3 ha do nông dân thu hoạch; bệnh vi khuẩn DTN 326 ha giảm 2 ha; đốm nâu 300 ha tăng 70 ha.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Rầy nâu, VL – LXL, bệnh bạc lá (cháy bìa), đạo ôn, lem lép hạt, chuột.
- Cây rau: Sâu tơ, bệnh đốm vàng, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.
- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh nấm hồng (sầu riêng); bệnh cháy gôm, sâu vẽ - chịt bùa (cây có múi); bệnh thán thư, sâu đục thân, cành (xoài).
- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bệnh nấm hồng, bệnh thán thư, bọ xít muỗi (điều); bệnh xì mù, nấm hồng (cao su); bọ phấn, bệnh khảm lá, thán thư, đốm nâu (mì).

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Tăng cường theo dõi diễn biến rầy nâu và kiểm tra tỉ lệ rầy mang mầm bệnh trên các trà lúa nhằm hạn chế rầy nâu di trú truyền virus gây bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá.

- Cây mì: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọ phấn trắng trên cây mì và khoanh vùng diện tích bị nhiễm tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng. Thực hiện tốt công văn số 3646/SNN-TTBVTV, ngày 01/10/2018 về việc triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ sâu bệnh hại trên cây trồng,

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo./

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Trần Thị Tú Oanh



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 15/11 đến ngày 21/11/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Ra lộc	3 - 10		279	1	0	280	0	74.0	83.0	129	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Trảng Bom, Vĩnh Cửu
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	5 - 10		192	0	0	192	0	28.0	188.0	315	Định Quán, Vĩnh Cửu, Tân Phú
	Bệnh sọc	Các giai đoạn	5 - 8		39,5	0,5	0	40	0	23.0	-4.0	12	Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom
	Rệp sáp	Các giai đoạn	7		35	0	0	35	0	3.0	35.0	200	Vĩnh Cửu
	Ruồi đục quả	Nuôi quả	2 - 3		25	0	0	25	0	0.0	25.0	5	TX Long Khánh
Chôm chôm	Bệnh cháy mép lá	Sau thu hoạch	10 - 15		107	2	0	109	0	2.0	51.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Chuối	Bệnh đóm lá VK	Các giai đoạn	10	72	5	0	77	0	2.0	-114.0	0	Trảng Bom
Mít	Bệnh thối quả	Nuôi quả	5		30	0	0	30	0	5.0	30.0	0	TX Long Khánh
	Ruồi đục quả	Nuôi quả	2 - 3		20	0	0	20	0	0.0	0.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chổi rồng nhãn	Chăm sóc	7		40	0	0	40	0	0.0	5.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	4 - 10		468	0	0	468	0	-1.0	99.0	173	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Ra bông	7 - 10		334	0	0	334	0	75.0	89.0	80	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, TX Long Khánh
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	10 - 15		241	0	0	241	0	2.0	85.0	86	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh
	Rầy bông	Các giai đoạn	10		127	0	0	127	0	-8.0	-7.0	131	Tân Phú, TX Long Khánh, Long Thành
	Bệnh thối gốc	Các giai đoạn	7		90	0	0	90	0	0.0	90.0	80	Xuân Lộc
Thanh	Bệnh đóm nâu	Các giai đoạn	3 - 15	15	76	9	3	88	0	27.0	-50.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc

Long	Ôc sên	Các giai đoạn	2 - 3		40	0	0	40	0	-50.0	40.0	30	Xuân Lộc
Xoài	Bệnh thán thư	Ra bông	7		375	0	0	375	0	73.0	-265.0	50	Định Quán, Xuân Lộc
	Sâu đục thân	Ra bông	10		100	0	0	100	0	0.0	100.0	20	Xuân Lộc
	Sâu đục cành	Các giai đoạn	5		68	0	0	68	0	0.0	64.0	0	Định Quán
	Bọ trĩ	Ra lộc, bông	5 - 6		60	0	0	60	0	32.0	39.0	330	Vĩnh Cửu, Xuân Lộc
	Rệp sáp	Ra hoa	5		22	0	0	22	0	0.0	22.0	0	Định Quán
	Bệnh cháy lá	Ra lộc, bông	8		7	0	0	7	0	7.0	-43.0	100	Vĩnh Cửu
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc bông trái	6 - 10		20	1	0	21	0	4.0	-10.0	15	Thông Nhất, Trảng Bom
	Bệnh thối khô quả	Trái	3		10	0	0	10	0	-1.0	10.0	9	Thông Nhất
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	15 - 20		660	7	0	667	0	51.0	-100.0	29	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Định Quán, Tân Phú
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	3 - 13		473	3	0	476	0	133.0	167.0	13	Cầm Mỹ, Định Quán, Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thông Nhất
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		449	2	0	451	0	1.0	179.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Rệp sáp	Các giai đoạn	10 - 15		260	2	0	262	0	-13.0	-10.0	40	Xuân Lộc, Cầm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Xén tóc đục thân	Các giai đoạn	8		106	0	0	106	0	2.0	-63.0	0	Cầm Mỹ
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	15		92	0	0	92	0	2.0	0.0	0	Cầm Mỹ
	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		477	0	0	477	0	-1.0	197.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
Cao su	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	3 - 20		267	1	0	268	0	68.0	-162.0	91	Cầm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh, Thông Nhất, Trảng Bom
	Bệnh loét sọc mặt cạo	Các giai đoạn	3		41	0	0	41	0	3.0	-76.0	0	Cầm Mỹ
	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	3 - 8		469	3	0	472	0	153.0	146.0	24	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thông Nhất, Tân Phú
Điều	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 10		377	12	0	389	0	6.0	-661.0	55	Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Tân Phú

	Bọ xít muỗi	Các giai đoạn	5 - 7		283	8	0	291	0	161.0	-218.0	125	Xuân Lộc, Trảng Bom, Vĩnh Cửu, Thống Nhất
	Bọ vòi voi đục chồi	Các giai đoạn	10		234	0	0	234	0	209.0	162.0	50	Định Quán, Long Thành
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	3 - 16		198	0	0	198	0	49.0	-89.0	68	Cẩm Mỹ, Tân Phú, Thống Nhất
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	4 - 15		1001	7	0	1008	0	-18.0	172.0	164	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 8	15	852	22	101	975	0	32.0	194.0	402	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 15	15	938	14	9	961	0	37.0	414.0	351	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú, Định Quán, TX Long Khánh
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	4 - 8	20	237	31	4	272	0	-1.0	-197.0	107	Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 5	7	162	4	1	167	0	8.0	-298.0	59	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất, TX Long Khánh
Mía	Sâu đục thân	Giai đoạn vươn lóng	3		56	1	0	57	0	4.0	13.0	12	Nhon Trạch, Trảng Bom
	Bệnh rỉ sắt	Các giai đoạn	15		39	4	0	43	0	2.0	-1.0	0	Trảng Bom
Sắn (Mì)	Bọ phấn	132-140 ngày	5		559	0	0	559	0	0.0	559.0	0	Long Thành, Xuân Lộc
	Bệnh vi khuẩn	132-140 ngày	5 - 10		325	1	0	326	0	-2.0	-143.0	100	Xuân Lộc, Trảng Bom, Nhon Trạch
	Đom nâu	Nuôi củ	10		300	0	0	300	0	70.0	42.0	0	Long Thành
	Nhện đỏ	132-140 ngày	5 - 15		237	0	0	237	0	104.0	237.0	78	Xuân Lộc, Nhon Trạch
	Khảm lá virus	Các giai đoạn	3 - 30	20 - 100	61,95	28,8	27,6	118,35	0	-201.3	118.4	0	Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc, Long Thành, Trảng Bom
Ngô (Bắp)	Sâu đục thân, bắp	Loa kèn	3 - 10		58	0	0	58	0	2.0	-71.0	15	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Định Quán
	Đom lá nhỏ	Loa kèn	15		51	0	0	51	0	8.0	-38.0	0	Cẩm Mỹ
	Rệp ngô	Loa kèn	15		35	0	0	35	0	-1.0	-7.0	0	Cẩm Mỹ

Lúa	Bệnh rỉ sắt	Loa kèn	15		19	2	0	21	0	-9.0	-3.0	0	Trảng Bom
	Bệnh khô vằn	Các giai đoạn	5 - 10		20	0	0	20	0	1.0	15.0	16	Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh đạo ôn lá	Đòng trổ	5 - 15		639	9	0	648	0	-32.0	-105.0	210	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Thống Nhất
	Ốc bươu vàng	Đòng trổ chín	1 - 5	15 - 20	529	3	30	562	0	95.0	279.0	217	Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh
	Chuột	Đòng trổ chín	4 - 5		173	1	0	174	0	8.0	-109.0	125	Long Thành, Nhơn Trạch, Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom
	Sâu cuốn lá nhỏ	Đòng trổ	1 - 20		156	0	0	156	0	-21.0	117.0	112	Tân Phú, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đòng trổ	5 - 10		150	0	0	150	0	-77.0	-457.0	60	Xuân Lộc, TX Long Khánh
	Bọ trĩ (bù lạch)	Đòng trổ chín	10		146	0	0	146	0	92.0	112.0	107	Tân Phú, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ
	Bệnh khô vằn	Đòng trổ chín	4 - 10		117	6	0	123	0	62.0	-64.0	11	Định Quán, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất
	Rầy nâu	Đòng trổ chín	10 - 800		100	0	0	100	0	-2.0	73.0	75	Tân Phú, Trảng Bom
	Bệnh vàng lá chín sớm	Đòng trổ chín	10		64	0	0	64	0	34.0	49.0	50	Long Thành, Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh đen lép hạt (lém lép)	Trổ chín	10		63	0	0	63	0	0.0	63.0	63	Tân Phú
Bầu bí	Bọ trĩ	Các giai đoạn	15		3	0	0	3	0	-8.0	-3.0	3	Nhơn Trạch
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	15		2	0	0	2	0	1.0	-9.0	2	Nhơn Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh gỉa sưng mai	Các giai đoạn	5		12	2	0	14	0	-1.0	14.0	0	Trảng Bom
Mướp đắng (khô qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		14	2	0	16	0	-2.0	-1.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	15	5	0,5	0	5,5	0	-0.5	-8.5	1	Trảng Bom, Nhơn Trạch
Rau cải ăn lá	Bọ nhảy	Các giai đoạn	3 - 10		29	0	0	29	0	2.0	3.5	25	Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, Trảng Bom